

Môi trường tự nhiên và hoạt động văn hóa của người Khmer Nam Bộ

Nguyễn Thị Huệ

Trường Đại học Trà Vinh

Email liên hệ: huetvu@tvu.edu.vn

Tóm tắt: Người Khmer tại Việt Nam có những hoạt động văn hóa mang đậm sắc thái tộc người. Các hoạt động văn hóa nổi bật như nghệ thuật sân khấu Dù Kê, lễ cúng Phước Biển được hình thành từ sự vận dụng không gian sống, vật liệu tự nhiên, điều kiện địa lý của người Khmer trong quá trình cải tạo vùng đất Nam Bộ. Từ các chuyến điền dã, quan sát, phỏng vấn hồi cố những người Khmer có tuổi đang sinh sống tại tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng, bài viết làm rõ những ảnh hưởng của môi trường tự nhiên trong hoạt động văn hóa của tộc người Khmer ở Nam Bộ thông qua hai hoạt động lễ hội trên đây.

Từ khóa: Nghệ thuật sân khấu Dù Kê; Lễ cúng Phước Biển; Người Khmer Nam Bộ

The relation of natural environment and cultural activities in Southern Khmer

Abstract: The Khmer in Vietnam stand out with cultural activities imbued with ethnicity. Notable cultural activities such as Du Ke theater arts (in the Mekong delta) and the Phuoc Bien worship ceremony (in Soc Trang province) are formed by Khmers who made use of living space, natural materials, and geographical conditions in their process of renovating the Southern wild land. Based on the fieldwork, observations, interviews old-aged Khmer people living in Tra Vinh and Soc Trang provinces, the author clarifies the effects of the natural environment on the cultural activities of the Khmer ethnic group in the Southern region through the above two festive activities, contributing to the understanding of ethnic cultural identity of Vietnamese in general and Khmer in particular.

Keywords: Du Ke theater arts; Phuoc Bien worship ceremony; Khmer people in the South of Vietnam

Ngày nhận bài: 04/02/2020

Ngày duyệt đăng: 10/05/2020

1. Đặt vấn đề

Người Khmer là dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer, ngữ hệ Nam Á, sinh sống ở hầu hết các nước trong khu vực Đông Nam Á như Campuchia, Lào, Thái Lan, Myanmar và Nam Bộ Việt Nam (Phan An, 2009). Người Khmer ở Nam Bộ Việt Nam (gọi tắt là Khmer Nam Bộ) và người Khmer ở Campuchia có chung nguồn gốc lịch sử tộc người, chung tiếng nói, gắn gũi về những đặc trưng văn hóa (Quỳnh Trang, 2018). Do diễn biến lịch sử, người Khmer Nam Bộ sống tách biệt với người Khmer ở Campuchia trong một thời gian lâu dài. Họ đã tạo ra những đặc điểm cho cộng đồng mình về cư trú, kinh tế, văn hóa và xã hội (Nguyễn Thị Bích Thủy, 2015, tr. 192).

Cộng đồng dân tộc Khmer Nam Bộ tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Từ nhiều thế kỷ, người Khmer sống đan xen, chan hòa cùng cộng đồng người Kinh,

người Hoa, người Chăm. Trong quá trình chung sống với nhau, cùng nhau khai phá vùng đất hoang vu thành những khu dân cư làng mạc trù phú như ngày nay, các tộc người đã gắn bó, đoàn kết, chung vai, sát cánh. Nhưng điều thú vị là từng tộc người vẫn giữ được bản sắc văn hóa riêng. Nhiều hình thức văn hóa như lễ hội, nghề nghiệp, tín ngưỡng mang đậm nét giao thoa văn hóa dần xuất hiện. Người Khmer Nam Bộ sáng tạo các loại hình nghệ thuật sân khấu Dù Kê, hình thành những làng nghề dệt chiếu bằng sợi lát (ở Trà Vinh, Sóc Trăng), tham gia và tổ chức cúng phước trên biển (ở Sóc Trăng), tổ chức trò chơi đua bò (ở An Giang) để chuẩn bị cho các vụ mùa.

Nhằm khẳng định những hoạt động văn hóa này là kết quả của quá trình sinh sống, thích nghi với môi trường thiên nhiên của vùng đất Nam Bộ của người Khmer, nghiên cứu này vận dụng lý thuyết văn hóa sinh thái trực tiếp nghiên cứu 2 hoạt động văn hóa quan trọng là nghệ thuật sân khấu Dù Kê, và lễ cúng Phước Biển. Đây là hai hoạt động văn hóa được hình thành bởi người Khmer Nam Bộ, không tồn tại trong văn hóa Khmer Campuchia. Trong đó, nghệ thuật sân khấu Dù Kê là loại hình sân khấu dân gian đơn sơ trong sự vận dụng khoảng rộng của đồng ruộng, sân nhà làm nơi tụ tập; lễ cúng Phước biển nhằm cầu an cho những chuyến ghe đánh bắt gỏi bở, tìm kiếm sự ổn định trong việc mưu sinh hàng ngày của người Khmer trong những ngày đầu khai thác thiên nhiên Nam Bộ. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu 20 cụ già Khmer (trên 60 tuổi) tại tỉnh Trà Vinh và 20 cụ già Khmer (trên 60 tuổi) ở tỉnh Sóc Trăng. Đây là các cụ già Khmer am hiểu về nghệ thuật sân khấu Dù Kê và cúng Phước Biển ở địa phương để xác nhận các đặc điểm của môi trường tự nhiên trong hai hoạt động văn hóa này.

2. Nghệ thuật sân khấu Dù Kê: hình thành từ sự rộng lớn của không gian sân, ruộng và sự đa dạng của chất liệu đời sống sinh hoạt thường ngày

Nghệ thuật sân khấu Dù Kê của đồng bào Khmer đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, là loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian. Về tên gọi, Dù Kê và Dù Kê, Dù Kê vốn có nguồn gốc từ Campuchia, trong khi đó Dù Kê lại ra đời ở mảnh đất Nam Bộ mà người Khmer Campuchia gọi là La khon Bassac (sân khấu vùng Bassac) (Tiến Văn Triệu và Dương Hoàng Lộc, 2014). Từ kết quả khảo sát, phỏng vấn sâu, 100% các cụ già Khmer ở hai tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng đều khẳng định rằng, Dù Kê là loại hình nghệ thuật của riêng người Khmer Nam Bộ. Tuy nhiên, để chứng minh tường tận điều này, cần thêm các công trình nghiên cứu chuyên sâu khác nhằm thu thập các dấu vết, bằng chứng cho thấy sự xuất hiện của nghệ thuật sân khấu Dù Kê trong dân gian tại vùng Nam Bộ.

Vùng đất Nam Bộ thời xưa đất rộng, người thưa, sau những ngày lao động cơ nhọc, người dân tụ tập ca hát, biểu diễn trong sân rộng, trên đồng trống. Hình thức biểu diễn ban đầu rất đơn sơ, nơi biểu diễn là mặt đất bằng phẳng được che chắn giống như cái giàn bầu, vì thế ban đầu Dù Kê còn được gọi là “Sân khấu giàn bầu” (Trần Thị Lan Hương, 2017). Dần dần, sân khấu hoàn thiện hơn khi được dựng bằng thân cây to chắc, trang trí bằng lá dừa, lá chuối, buồng cau,... Chính không gian sinh hoạt rộng rãi và thoáng đạt đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc ra đời diễn xướng Dù Kê và múa hát cộng đồng (theo lời của ông Thạch C. ngụ tại phường 7, tỉnh Trà Vinh). Trả lời về diện tích rộng lớn của chùa Phật giáo Nam tông, đa số các ý kiến đều cho rằng, chùa là trung tâm sinh hoạt tín ngưỡng, văn hóa, nghệ thuật của người Khmer. Cho đến nay, sân khấu diễn xướng Dù Kê vẫn luôn được ưu tiên bố trí trong khuôn viên chùa vào các dịp lễ hội như Chôl Chnăm Thmây (Vào năm mới), Ok-om-bok (Đúc cốm dẹp), Si ma (Kiết giới),....

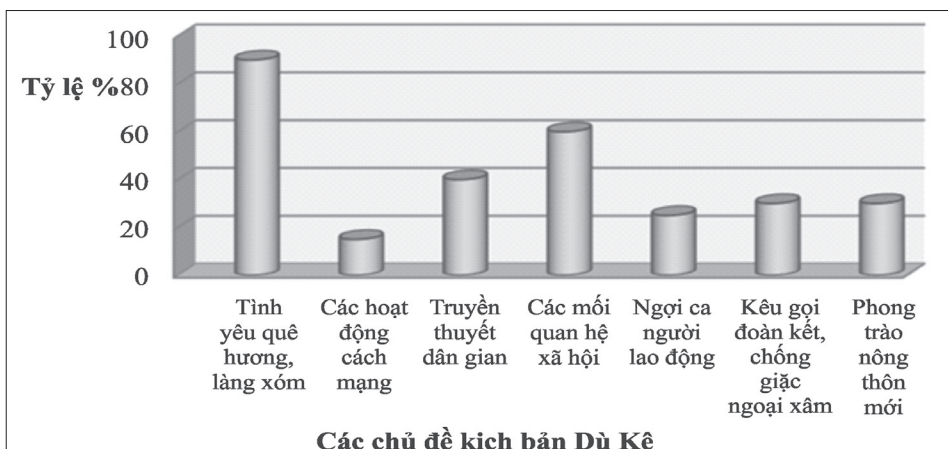
Từ thập niên 60 đến nay, một số tác giả, nghệ nhân, văn nghệ sĩ, nhà quản lý nghệ thuật đã nghiên cứu, sưu tầm và nhận định rằng: sân khấu Dù kê là sản phẩm của nông dân, tầng lớp trí thức Khmer sáng tạo ra tại vùng đất Tây Nam Bộ trong sự giao lưu sân khấu Hí kịch của người Hoa và Cải lương của người Kinh (Thạch Chane Vitu, 2014). Tích tuồng của sân khấu Dù kê thường được khai thác từ cốt truyện cổ tích, thần thoại dân gian Khmer. Ngoài ra, Dù Kê còn diễn cả tích tuồng của người Hoa và diễn chung một số vở diễn với sân khấu cải lương.

Tính thích ứng với môi trường sinh sống của loại hình nghệ thuật này chính là ở nội dung kịch bản để chuyển tải các chủ đề quen thuộc với sinh hoạt hàng ngày như ngợi ca cách mạng, yêu quý lao động,... Kịch bản của sân khấu Dù Kê đa dạng và phong phú về các đề tài, từ truyện cổ Riêm Kê (dựa theo cốt truyện Ramayana của Ấn Độ) đến các đề tài dân gian, lịch sử, tôn giáo, xã hội,... và có cả những vở Tuồng tích của người Hoa như Tiết Nhơn Quý, Tam Tạng thỉnh kinh,... hay một số vở từ sân khấu Cải lương như Tấm Cám, Phạm Công - Cúc Hoa, Thạch Sanh - Lý Thông (Trần Thị Lan Hương, 2017). Có thể cho rằng, đây là sự sáng tạo, linh hoạt của người Khmer khi hình thành nên một sản phẩm văn hóa tinh thần của riêng họ trong sự hòa quyện với một số nét văn hóa Kinh, Hoa.

Biểu đồ 1 mô tả chủ đề kịch bản thống kê từ 20 vở diễn Dù Kê của đoàn nghệ thuật Ánh Bình Minh (Trà Vinh) thường xuyên biểu diễn phục vụ cho người dân tại các địa phương vào các dịp lễ hội. Biểu đồ cho thấy, các kịch bản của Dù kê rất đa dạng về chủ đề, trong đó chủ đề về tình yêu quê hương, làng xóm và chủ đề về các mối quan hệ xã hội chiếm tỷ lệ cao. Các kịch bản trải quát từ các chủ đề dân gian truyền thống (truyền thuyết dân gian) đến cả chủ đề hiện đại (phong trào nông thôn mới). Điều này chỉ ra rằng, môi trường sinh sống luôn có ảnh hưởng quan trọng đến tư tưởng của người Khmer. Trong quá trình phát triển, họ luôn kế thừa, tiếp cận với cái mới nhưng vẫn giữ được cái cốt lõi đó là những quan hệ xã hội và tình yêu thương của con người.

Khi trả lời phỏng vấn về mức độ ưa chuộng với loại hình nghệ thuật Dù Kê, các cụ già người Khmer ở Sóc Trăng và Trà Vinh đều khẳng định sự gần gũi, yêu thích với loại hình giải trí này. Đặc biệt vào các dịp lễ như Chôl Chnăm, các đài phát thanh truyền hình của tỉnh Trà Vinh và tỉnh Sóc Trăng phát sóng liên tiếp các vở Dù Kê. Người dân thường thức bằng cách tụ tập gia đình, vừa nghe, vừa gói bánh tét hoặc vào chùa xem diễn hát. Hầu hết các chùa Khmer đều bố trí sân khấu, mở màn bằng các ca khúc nhạc trẻ sôi động, sau đó là vở diễn Dù Kê. Âm hưởng của nghệ thuật Dù Kê đã trở thành thức ăn tinh thần cho người Khmer nói riêng và người dân Nam Bộ nói chung.

Biểu đồ 1. Tỷ lệ các chủ đề kịch bản Dù Kê được trình diễn hiện nay



Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả

Cuộc sống ngày nay đã có những ảnh hưởng đến loại hình hoạt động văn hóa Dù Kê. Cụ thể, không gian sinh sống đang ngày càng bị thu hẹp, khán giả xem trực tiếp tại sân khấu (chủ yếu trong sân chùa, nhà văn hóa) giảm dần do họ bận mưu sinh, học tập hoặc quan tâm đến các loại hình giải trí khác. Mặc dù xem tại nhà từ màn hình ti vi trở nên phổ biến hơn, song ngày càng thiếu hẳn dần những phút giây tụ tập gia đình, cùng thưởng thức vở diễn, khen chê diễn viên, trang phục,... Một số nghệ sỹ Khmer đang đề xuất rút ngắn thời gian của một vở diễn, cô đọng các tình tiết sân khấu, trẻ hóa đội ngũ diễn viên,... Nếu như ngày trước, người dân quây quần xem diễn kéo dài hàng giờ liền trên sân rộng, thì ngày nay thời gian xem ngắn hơn, phần lớn các vở diễn kéo dài không quá 30 phút và sân khấu trong hội trường có máy lạnh, quạt mát, ghế ngồi nhằm thu hút khán giả. Có thể khẳng định rằng, thu hẹp không gian địa lý, ảnh hưởng của cuộc sống hiện đại đã dẫn đến những thay đổi, điều chỉnh lớn trong hoạt động văn hóa này.

3. Lễ cúng Phước Biển: hình thành từ nhu cầu mưu sinh đánh bắt ven bờ

Người Khmer hầu hết theo Phật giáo Nam tông. Họ chọn khu vực gần chùa để làm nhà ở với tâm niệm được Phật chở che. Mỗi ngôi chùa sẽ chăm lo cho một nhóm Phật tử, chủ yếu theo ranh giới địa lý chứ không phải ranh giới hành chính. Hàng ngày, các hộ gia đình người Khmer cúng dường cho các vị sư đi khất thực. Ngày rằm trong tháng, họ đến chùa để cầu bình an, phước lành. Đáng chú ý, họ rất ít khi vắng mặt trong các sự kiện do chùa tổ chức, đặc biệt là các dịp lễ hội. Họ gắn bó với chùa suốt cuộc đời. Những người do nghề nghiệp mưu sinh phải đi xa, nhưng trong lòng họ luôn khắc khoải, nóng lòng trở về với ngôi chùa thân quen.

Nghề đánh bắt ven bờ của người Khmer Nam Bộ chủ yếu sử dụng một số dụng cụ đánh bắt thô sơ như lưới kéo, xiệp đẩy và ghe thuyền nhỏ để di chuyển. Thông thường, họ rời khỏi nhà vào sáng sớm, trở về nhà vào buổi chiều. Biển trở thành nguồn sống của họ. Để tỏ lòng biết ơn cho sự chở che của biển cả, cầu cho sự bình an, người dân tổ chức lễ hội cúng Phước Biển (cúng phước trên biển). Người Khmer thường tổ chức lễ an vị Phật tại gia, theo ý nguyện và khả năng của hộ gia đình. Họ mời các vị sư đến nhà tụng kinh cầu an, ước nguyện cho sức khỏe, tiền tài, học vấn của các thành viên gia đình. Mặt khác, do quan niệm vạn vật đều mang phước lành nên ngay cả trong đám tang, họ đều ý thức dùng chén cơm với ý nghĩa “hưởng phước của người mất”. Mặc dù biển cả có thể mang tới cho họ những cơn sóng lớn đe dọa tính mạng và gây khó khăn cho họ khi đánh bắt thủy sản gần bờ (càng gần bờ, sóng càng dữ dội), nhưng họ cúng phước biển để hưởng phước mà biển cả mang đến cho cuộc sống của họ. Không riêng người Khmer cúng Phước Biển mà đa số ngư dân thường thờ Phật bà quan âm và cúng biển để được độ trì, được biển che chở.

Kết quả phỏng vấn hồi cố 40 cụ già Khmer về lễ cúng Phước Biển cho thấy, nguồn gốc hình thành lễ cúng này không được xác định rõ ràng. Các cụ đều nghe kể về câu chuyện một nhà sư Khmer tên là Ta Hu (cụ Hu) ngày trước dựng một ngôi tháp đơn giản trên khu giồng cát ven biển, nơi xác cá voi thường trôi dạt vào để đồng bào Phật tử đến thắp hương, thành tâm chiêm bái. Sự việc xảy ra vào thời điểm trời yên, biển lặng, ngư dân đi biển về thuyền đầy ắp cá tôm. Biển vẫn còn đó, nhu cầu sinh sống hàng ngày đang tăng dần, chính vì thế lễ cúng Phước Biển ở khóm Cà Lăng A Biển, Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng ngày càng đông đúc. Hiện nay, tại nơi làm lễ cúng, người dân đã cùng nhau xây ngôi tháp Chrôy Rum Chêk - một khu tháp khá lớn có mái che kiên cố, nằm trên khu đất cát ven biển tại khóm Cà Lăng A Biển. Hàng năm, lễ cúng được tổ chức hoành tráng với đám rước từ chùa Serey Kro Săng đến ngôi tháp Chrôy Rum Chêk. Lễ cúng Phước Biển được người Khmer gọi là Bàn Chrôy Rum Chêk

(tạm hiểu là Lễ cúng ở khu vực cây dứa dại) vì theo các cụ ở Sóc Trăng cho biết, hồi trước, khu vực cúng phước đầu tiên là một khu dứa dại mọc rất nhiều, “rậm rạp như rừng” (Ông Kim T. cư ngụ tại phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng). Khi được hỏi về giá trị sử dụng của cây dứa dại trong lễ cúng Phước Biển thì 8 cụ Khmer ở Sóc Trăng đều khẳng định là không sử dụng gì, lễ cúng mang tên cây dứa dại chỉ vì khu vực này có nhiều dứa dại mọc. Đối với 20 cụ Khmer ở Trà Vinh, họ đều quan tâm đến lễ cúng Phước Biển Chrôy Rum Chêk tại Sóc Trăng nhưng 3 người trong số họ chưa từng đến nơi tổ chức lễ. Lý do là phương tiện đi lại không thuận lợi mặc dù trong tâm niệm, họ mong muốn đến. Đặc biệt, tất cả các cụ đều cho rằng, đây là hoạt động văn hóa chỉ có ở người Khmer Nam Bộ, “người Khmer Campuchia chủ yếu đánh bắt theo dòng Mekong, biển họ ít nên không có nhiều lệ thuộc vào biển” (Theo lời của hai cụ Khmer, ông Thạch Sa P. ở Trà Vinh và ông Kim R. ở Sóc Trăng). Điều này phù hợp với thực tế rằng, khu vực Đồng bằng sông Cửu Long có chiều dài bờ biển trên 700 km, chiếm khoảng 1/5 tổng chiều dài bờ biển nước ta (3,444 km) và dài hơn so với Campuchia (443km).

4. Kết luận

Bên cạnh hai hoạt động văn hóa của người Khmer Nam Bộ như nghệ thuật sân khấu Dù Kê và lễ cúng Phước Biển, vẫn còn những hoạt động văn hóa khác được hình thành từ sự tác động của môi trường sinh sống tự nhiên. Do tư liệu nghiên cứu còn hạn chế, nghiên cứu này chủ yếu sử dụng các thông tin hồi cố mà các cụ Khmer cung cấp để khẳng định các luận điểm: *Thứ nhất*, chính không gian sinh sống thoáng đãng, rộng rãi đã hình thành nơi diễn xướng cho nghệ thuật Dù Kê. *Thứ hai*, do bám vào biển để mưu sinh nên lễ cúng Phước Biển được người Khmer Nam Bộ tín ngưỡng. Trong thời gian tới, khi không gian sinh hoạt của người dân ngày càng thu hẹp do phải dành không gian cư trú cho lượng dân cư tăng thêm, và dành không gian cho các công trình công cộng thì không gian cho các loại hình nghệ thuật trên sẽ có thể bị ảnh hưởng và cần thiết phải có những điều chỉnh phù hợp với bối cảnh mới. Nhưng dù sao, chúng ta cũng đã nhận thấy sự gắn bó với tự nhiên một cách chủ động của người Khmer. Tính thích nghi này càng làm tăng thêm giá trị của văn hóa tộc người Khmer Nam Bộ.

Chú thích:

Bài viết là một phần kết quả của Chương trình nghiên cứu cấp quốc gia, mã số CTDĐT.50.18/16-20.

Tài liệu tham khảo

- Phan An. (2009). *Dân tộc Khmer ở Nam Bộ*. Nxb Chính trị Quốc gia.
- Trần Lê Bảo (chủ biên). (2001). *Văn hóa sinh thái nhân văn*. Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- Đỗ Thu Hà. (2015). Mối quan hệ giữa môi trường và phát triển xã hội. *Xã hội học 1* (129), 26-36.
- Trần Thị Lan Hương. (2017). *Nghệ thuật múa trong sân khấu Rô băm và Dù Kê của người Khmer Nam Bộ*. Luận án tiến sĩ Nghệ thuật.
- Jules Pretty. (n.d.). *Nature and Culture*. Truy xuất từ <https://www.resurgence.org/magazine/article2629-nature-and-culture.html>, ngày 01/02/2020.
- Julian Haynes Steward. (1990). *Theory of Culture Change: The Methodology of Multilinear Evolution*. University of Illinois Press.

SGP - The GEF Small Grants Programme. (2017). *Sản xuất hành tím hàng hóa bền vững trên vùng đất giồng cát ở Vĩnh Châu, Sóc Trăng*. GEF - Global Environment Facility: Investing in our Planet.

Nguyễn Thị Bích Thủy. (2015). Mối quan hệ giữa Phật giáo Nam tông Khmer với Phật giáo Nam tông Khmer Campuchia trên con đường hội nhập và phát triển - một số vấn đề đặt ra. *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: Phật giáo vùng Mê Kông: Lịch sử và hội nhập (189-200)*. Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

Thanh Trà. (2020). *Nghệ thuật sân khấu dù kê Khmer Nam Bộ - Bài 1: Nét văn hóa đặc sắc*. Truy xuất từ <https://baotintuc.vn/van-hoa/nghe-thuat-san-khau-du-ke-khmer-nam-bo-bai-1-net-van-hoa-dac-sac-20200407065454789.htm>, ngày 01/02/2020.

Quỳnh Trang. (2018). *Sai, người Khmer có mặt ở vùng đất Nam Bộ từ thế kỷ 12*. Truy xuất từ vnexpress.net: <https://vnexpress.net/giao-duc/nam-gioi-dan-toc-nao-deu-trai-qua-thoi-gian-tu-hanh-3828800-p5.html>, ngày 01/02/2020.

Tiến Văn Triệu, Dương Hoàng Lộc. (2014). *Nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam bộ- nguồn gốc, đặc trưng và các giải pháp bảo tồn, phát triển*. Truy xuất từ <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/gioi-thieu/nhan-su/gi%E1%BA%A3ng-vi%C3%AAAn/271-en-category/research/arts-studies/4717-ngh-thut-san-khu-du-ke-khmer-nam-b-ngun-gc-c-trng-va-cac-gii-phap-bo-tn-phat-trin.html>, ngày 01/02/2020.

Mộng Tuyền. (2019). *Công an phường 9, thành phố Trà Vinh dân vận khéo trong công tác xã hội từ thiện, vì cộng đồng*. Truy xuất từ <http://congan.travinh.gov.vn/ch5/178-Cong-an-phuong-9-thanh-pho-Tra-Vinh-dan-van-keho-trong-cong-tac-xa-hoi-tu-thien-vi-cong-dong.html>, ngày 01/02/2020.

Thạch Chane Vitu. (2014). Sân khấu Dù Kê – góc nhìn từ văn hóa dân gian. *Tạp chí Khoa học, trường đại học Trà Vinh*, 13, 86-93.